TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/v: "*Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Phấn và bà Trần Thị Huệ.
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy A Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Tài Đại Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Phương A, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Bá Ka D, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bá Ka D tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tuy không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2004 tại UBND xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và có 02 con chung là Bá Thị Thì N, sinh ngày 14/9/2002 và Bá Hoàng Ro P sinh ngày 27/11/2005. Hiện nay các con chung đang sống với bà A. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, ông D không có trách nhiệm với gia đình, không biết chia sẽ mọi việc với bà và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Ông D hiện ở Đồng Nai và đã có người phụ nữ khác. Thời gian vợ chồng ly thân thì ông D thường xuyên về nhà nhưng chưa một lần ngó ngàng đến mẹ con bà và một mình bà phải nuôi dạy con cái. Bà A

nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Bá Ka D.

Về con chung: Khi ly hôn bà A có nguyện vọng nuôi con chung chưa thành niên là Bá Hoàng Ro P và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Bà A đồng ý sẽ tạo điều kiện cho ông D được thường xuyên thăm nom con theo qui định của pháp luật. Cháu Bá Thị Thì N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghề nghiệp: Bà vừa đi xuất khẩu lao động tại A Rập Xê Út về và hiện là lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện về kinh tế để lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bá Ka D đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông D cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Dương Thị Phương A đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn ông Bá Ka D không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Dương Thị Phương A được ly hôn với ông Bá Ka D. Về con chung: Giao con chung chung chưa thành niên Bá Hoàng Ro P sinh ngày 27/11/2005 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà A không yêu cầu. Bà A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả trA tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Bá Ka D có địa chỉ cư trú tại thôn An Nhơn, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật trA chấp: Nội dung các bên trA chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và việc nuôi con; nên Hội đồng xét xử

có căn cứ xác định quan hệ pháp luật trA chấp của vụ án là "*Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Bá Ka D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; điều này chứng tỏ ông D đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt ông D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Phương A và ông Bá Ka D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Xuân Hải cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 08/3/2004 theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nguyên nhân theo bà A trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống tính cách, ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, một mình bà phải nuôi dạy con cái và ông D đã có người phụ nữ khác. Xét thấy, trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo cho ông D biết hợp lệ 02 lần, nhưng ông D không chấp hành và tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Cho thấy, ông D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Theo biên bản xác minh ngày 11/8/2022 chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng bà A, ông D có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2018. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà A, ông D đã trầm trọng không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Dương Thị Phương A xin được ly hôn với ông Bá Ka D là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà A, ông D có 02 con chung là Bá Thị Thì N, sinh ngày 14/9/2002 và Bá Hoàng Ro P sinh ngày 27/11/2005. Bà A thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, có nguyện vọng nuôi con chung chưa thành niên là cháu Phát và tự nguyện không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con, cháu Na đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Ông D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn, hậu quả pháp lý ông D phải chịu theo quy định của pháp luật. Mặt khác, hiện nay cháu Phát đang sống cùng bà A. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phát cho bà A trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu Phát. Ông Bá Ka D không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà A tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Phương A đối với ông Bá Ka D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Phương A được ly hôn với ông Bá Ka D.

2. Về con chung: Giao cháu Bá Hoàng Ro P sinh ngày 27/11/2005 cho bà Dương Thị Phương A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Ông Bá Ka D không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà A tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông Bá Ka D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà A và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Phương A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Dương Thị Phương A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006888 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà A đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hải (GCNKH số 23 ngày 08/3/2004);
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghiêm